

Sự biến đổi văn hóa của học sinh dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Lê Thị Mùi *

Tóm tắt: Văn hóa các dân tộc (tộc người) thiểu số ở Việt Nam đang bị biến đổi mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế thị trường (KTTT), đô thị hóa (ĐTH) và toàn cầu hóa (TCH). Đối tượng dễ biến đổi là học sinh. Văn hóa của học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) bị tác động ở mức độ lớn hơn khi học sinh chuyển từ địa bàn nông thôn miền núi sang môi trường đô thị. Sự thay đổi này phản ánh quá trình giao lưu văn hóa giữa các tộc người cũng như quá trình hiện đại hóa diễn ra trên tất cả các vùng miền ở Việt Nam hiện nay. Sự thay đổi này phụ thuộc vào mức độ giao lưu văn hóa giữa các tộc người, mức độ ĐTH và HĐH ở các khu vực. Môi trường ĐTH và HĐH của trường dân tộc nội trú (DTNT) tại thành phố càng làm thúc đẩy hơn sự biến đổi văn hóa của học sinh DTTS ở đó.

Từ khóa: Văn hóa; học sinh; dân tộc thiểu số; tộc người; Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong suốt trường kỳ lịch sử của đất nước, văn hóa các dân tộc (tộc người) là một bộ phận không thể tách rời của nền văn hóa chung của dân tộc Việt Nam. Trong nhiều năm qua, việc nghiên cứu văn hóa tộc người được dân tộc học nói riêng và các ngành khoa học xã hội khác nói chung rất được chú trọng. Từ thập niên 60 đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XIX, các nghiên cứu dân tộc học, văn hóa học tập trung làm sáng tỏ các đặc điểm truyền thống của văn hóa các dân tộc thiểu số và xem xét sự đóng góp của văn hóa các dân tộc thiểu số vào nền văn hóa chung của dân tộc Việt Nam. Từ 1986 đến nay các nhà nghiên cứu bắt đầu quan tâm đến vấn đề biến đổi văn hóa (BĐVH) của các tộc người. Một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, sau suốt một thế

kỷ đầy biến động của lịch sử đất nước vào các thập kỉ gần đây do những đổi mới về chính trị, kinh tế-xã hội, cho nên văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung và văn hóa các tộc người nói riêng đã trải qua một quá trình đổi mới; hầu hết các cộng đồng dân tộc đều chịu tác động của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước; trong quá trình ấy đã xuất hiện mâu thuẫn giữa hội nhập và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá tộc người; một số giá trị văn hoá truyền thống của các tộc người cũng đang bị mai một. Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đang bị biến đổi mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế thị trường, đô thị hóa và toàn cầu hóa. Đó là thực tế dễ nhận thấy.

(*) Thạc sĩ, Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0915802838.
Email: lehuongmui@gmail.com.

Đối tượng dễ biến đổi nhất là học sinh nói chung và học sinh dân tộc nội trú nói riêng. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2014 - 2015, ngoài 3 trường: THPT vùng cao Việt Bắc (1.439 HS), Hữu Nghị 80 (938 HS), Hữu Nghị T78 (924 HS), số lượng trường THPT DTNT của cả nước là 54 trường/63 tỉnh thành; có 23.417 học sinh (trong đó số học sinh của Bắc Trung Bộ: 6 trường; 2.479 HS, Nam Trung Bộ: 5 trường; 1.671 HS, Đồng Bằng sông Hồng: 3 trường; 1.098 HS, Đông Bắc: 12 trường; 5.178 HS, Tây Bắc: 4 trường; 2.185 HS, Tây Nguyên: 6 trường; 2.497 HS, Đông Nam Bộ: 6 trường; 2.248 HS, Tây Nam Bộ: 9 trường; 2.898 HS). Học sinh học tại những trường này chủ yếu là người DTTS. Văn hóa của học sinh các DTTS có sự biến đổi nhanh. Một số học sinh chạy theo những xu thế mới của thời đại, bỏ đi cách ứng xử nhân văn truyền thống trong gia đình và cộng đồng; thậm chí sa vào các tệ nạn xã hội (như nghiện hút, nghiện game, bạo lực học đường...). Thực tế đó đòi hỏi cần thiết phải có những nghiên cứu về thực trạng và xu hướng biến đổi văn hóa của nhóm đối tượng này, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp phù hợp nhằm quản lý giáo dục phù hợp, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của học sinh DTTS. Bài viết này phân tích các nhân tố tác động và xu hướng biến đổi văn hóa của HSDTTS.

2. Các nhân tố tác động đến sự biến đổi văn hóa của HSDTTS

2.1. Tác động từ gia đình

Trong gia đình học sinh (HS) dân tộc thiểu số sử dụng chủ yếu ngôn ngữ dân tộc mình, nhưng càng về sau họ sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình với mức độ càng giảm dần và thay vào đó là sử dụng ngôn ngữ phổ thông (tiếng Việt). Việc sử dụng

tiếng phổ thông trong gia đình của HS dân tộc thiểu số có xu hướng tăng lên; các thành viên gia đình trong nhiều cảnh huống cũng thường sử dụng tiếng phổ thông. Những người lớn tuổi sử dụng tiếng dân tộc mình trong giao tiếp nhiều hơn. Khi được hỏi tại sao trong môi trường ở cộng đồng thôn bản cũng như ở môi trường mới các em lại sử dụng ngôn ngữ phổ thông là chính, thì đa số HS cho biết: “bởi vì trong cộng đồng của chúng em, người Kinh cũng sinh sống xen kẽ, họ chủ yếu là những người buôn bán, nên ngôn ngữ giao tiếp với họ đều bằng tiếng phổ thông”.

Nhìn chung, đa số HS dân tộc thiểu số ở các trường THPTDTNT hiện nay sử dụng ngôn ngữ phổ thông. Tình hình này đã diễn ra ngay cả trước khi các em vào học tại các trường này. Ở ngay tại cộng đồng làng bản, lớp trẻ đã có xu hướng thích dùng tiếng phổ thông trong giao tiếp. Sự tham gia của các em tại trường nội trú trên thành phố chỉ càng thúc đẩy thêm mức độ sử dụng ngôn ngữ phổ thông mà thôi. Điều này càng được chứng minh khi tỷ lệ giao tiếp bằng tiếng phổ thông giữa HS cùng dân tộc ở các trường ngày càng cao. Tại các trường nội trú, mức độ sử dụng tiếng phổ thông ở cộng đồng của các em cũng rất cao; đối với những học sinh dân tộc thiểu số thuộc các tộc người có tỷ lệ dân số sinh sống tại các vùng ven đô thị, vùng nông thôn có địa hình thuận lợi thì mức độ sử dụng tiếng phổ thông của HS cũng nhiều hơn.

Đối với trang phục cũng vậy, ngay trong gia đình và cộng đồng làng bản nhiều em đã không còn duy trì yếu tố truyền thống như xưa. Đây là yếu tố tạo đà cho các em có những xu hướng thay đổi sử dụng trang y phục của mình nơi đô thị. Một học sinh cho biết: “Ở nhà, mẹ em không khâu, dệt thổ

cắm hay may trang phục truyền thống nữa. Bản thân em cũng không biết đến thêu dệt trang phục dân tộc mình, mà ở chợ quê bán trang phục theo kiểu truyền thống nhưng lại không phải chất liệu đúng với truyền thống, nên em mặc theo thị trường. Bộ váy áo đi mua trên thị trường cũng phù hợp, lại thuận tiện và rẻ hơn so với bộ trang phục truyền thống của dân tộc em”.

Hầu hết các em mua trang phục ở chợ, cửa hàng; ít có HS tự tay may và sử dụng trang phục dân tộc. Do cuộc sống xa gia đình cho nên HS tự lập trong việc mua sắm trang phục cho mình. Một học sinh cho biết: “Hồi còn ở nhà thì mẹ em là người đi mua quần áo cho em. Mẹ em mua gì thì em mặc nấy, nhưng từ khi đi học nội trú em đã tự lập. Vì đi ra ngoài biết mặc như thế nào cho phù hợp và đẹp nên em tự đi mua cho mình và cảm thấy hài lòng hơn là mẹ em mua cho em”.

Về ẩm thực, món ăn thường ngày của các em chủ yếu là món ăn của người Kinh. Đa số gia đình của HS không còn duy trì món ăn của dân tộc mình trong bữa ăn hàng ngày. Chỉ có ít em không nấu món ăn của người Kinh. Các món ăn truyền thống được nấu trong ngày lễ, tết nhiều hơn so với trong đình đám, hội hè và ít hơn so với trong dịp liên hoan. Các món ăn của người Kinh được sử dụng trong liên hoan bạn bè thường rất cao. Ngoài món ăn dân tộc truyền thống và món ăn của người Kinh, trong các ngày đình đám, hội hè, gia đình HS dân tộc thiểu số còn sử dụng món ăn của các DTTS khác. Điều này thể hiện sự ảnh hưởng văn hóa lẫn nhau giữa các tộc người.

Về phong tục, tập quán, hầu hết các em đều cho rằng mình đã thay đổi rất nhiều, chỉ có số ít học sinh cho rằng mình thay đổi

không đáng kể. Một học sinh cho biết: “Từ khi chưa vào học ở trường nội trú, món ăn mà em thường ăn hàng ngày trong gia đình là món ăn của người Kinh. Nhà em không nấu món ăn truyền thống vào ngày thường, chỉ khi nào đến tết hay trong ngày lễ ở bản thì em mới được ăn một số món ăn truyền thống của dân tộc em thôi”. Như vậy, ngay ở gia đình trong những ngày quan trọng như đình đám, hội hè hay liên hoan bạn bè, các em đã có sự thay đổi nhiều về văn hóa ẩm thực. Điều đó đã tác động đến sự hiểu biết, sở thích về văn hóa ẩm thực của các em. Sự biến đổi văn hóa ở học sinh dân tộc thiểu số ở trường THPTDTNT hiện nay là sự tiếp nối những biến đổi văn hóa từ trong phạm vi gia đình.

2.2. Tác động từ chủ trương, chính sách của Nhà nước

Đã từ lâu tiếng Kinh được xác định là ngôn ngữ phổ thông, dùng giảng dạy và học tập trong nhà trường và sử dụng làm ngôn ngữ hành chính. Trong chương trình giáo dục ở một số vùng dân tộc, Nhà nước có chủ trương cung cấp trợ lý ngôn ngữ cho các trường tiểu học để giúp học sinh đầu cấp hiểu được nội dung bài tốt hơn. Tuy nhiên, số lượng trợ lý ngôn ngữ rất hạn chế, khiến tình hình học tập ít được cải thiện. Bởi vậy, ở nhiều vùng đồng bào DTTS người dân khuyến khích con em họ nói tiếng phổ thông từ nhỏ, thậm chí bố mẹ chủ động nói chuyện với con cái bằng tiếng phổ thông để con cái dễ học ngôn ngữ này hơn. Ngoài ra, với vai trò là ngôn ngữ hành chính, tiếng Kinh cũng có tác động lớn đến biến đổi ngôn ngữ của các TNTS trong quá trình hội nhập. Phần lớn các nội dung hành chính, văn bản, giấy tờ đều hoàn toàn bằng tiếng phổ thông. Các cuộc họp cũng thường sử dụng tiếng phổ thông, vì thế nên người

dân bắt buộc phải thạo tiếng phổ thông để tiếp cận các dịch vụ công. Thêm vào đó, trong phạm vi trường học nội trú cũng có quy định các em phải sử dụng tiếng phổ thông. Một giáo viên cho biết: “Ở đây chúng tôi muốn các em tham gia vào môi trường chung của xã hội. Là trường học đa dân tộc, đa văn hóa nhưng các em phải theo quy định chung là sử dụng ngôn ngữ của trường học. Chúng tôi nhắc nhở các em rằng không được sử dụng ngôn ngữ dân tộc mình khi tiếp xúc với thầy cô và bạn bè trong phạm vi trường học. Đó là một sự văn minh và tôn trọng môi trường mà các em đang sinh sống”.

2.3. Tác động từ quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế

Hệ thống thông tin như đài phát thanh, truyền hình cũng chủ yếu là các kênh tiếng phổ thông. Hơn nữa, thị trường hàng hóa ở các vùng đồng bào DTTS ngày càng mở rộng và phát triển, trong đó thương lái người Kinh đóng một vai trò quan trọng trong cung cấp, thu mua trao đổi hàng hóa với đồng bào DTTS. Vì vậy tiếng Kinh là công cụ giao tiếp chính và dần phổ biến. Tất cả những yếu tố này dẫn đến mức độ tiếng Kinh của người DTTS ngày càng gia tăng. Đối với nhiều người dân, khả năng nói tốt tiếng phổ thông trở thành điều kiện để hòa đồng xã hội. Người nói tiếng phổ thông nhiều nhất thậm chí còn được mọi người cho là giỏi nhất [10, tr.52].

Về trang phục, tác động của hội nhập quốc tế chủ yếu qua thị trường và giao lưu văn hóa. Sự phát triển mạnh của mạng lưới chợ khiến cho quần áo may sẵn, quần áo công nghiệp được ưa chuộng, thay thế cho nghề trồng bông, dệt vải của các tộc người thiểu số (TNTS). Ngoài ra, phim ảnh, sách báo cũng tác động đến thị hiếu ăn mặc của

người dân, khiến cho họ bị ảnh hưởng các mô-tơ thịnh hành trong xã hội.

Đối với tập quán ăn uống, cùng với ảnh hưởng của 3 phương thức (chính sách, thị trường và giao lưu văn hóa), những biến đổi của môi trường, tài nguyên thiên nhiên rừng là nguyên nhân dẫn đến những biến đổi trong ẩm thực của các tộc người. Với sự tăng cường sản xuất hàng hóa, đa dạng vật nuôi, cây trồng, đời sống của nhiều đồng bào các TNTS ngày càng được cải thiện. Bên cạnh đó, sự mở rộng và phát triển của thị trường giúp cho nguồn lương thực, thực phẩm của người dân ngày càng dồi dào, phong phú. Nhịp sống hiện đại, giao lưu văn hóa giữa các tộc người càng làm cho tập quán ăn uống ở các dân tộc thay đổi. Nhiều món ăn truyền thống ít còn được chế biến do sự thu hẹp diện tích rừng, sự cạn kiệt các nguồn lợi thiên nhiên, tự nhiên.

Khả năng tiếp cận thông tin cao trong bối cảnh HĐH và ĐTH là một trong những nguyên nhân quan trọng tác động đến biến đổi văn hóa của học sinh. Báo là kênh thông tin được các em yêu thích vì có nhiều thông tin về tình hình trong và ngoài nước, đặc biệt nhiều tờ báo phù hợp với lứa tuổi của các em, phản ánh tâm lý lứa tuổi cũng như những xu hướng lối sống mới của giới học sinh, giới trẻ. Ngoài ra mạng internet đã từ lâu đã xâm nhập vào trong hệ thống trường học. Mặc dù trong một số trường THPT DTNT đã có quy định cấm HS sử dụng điện thoại di động, tuy nhiên hầu như các em học sinh ở các trường THPT này đều sử dụng điện thoại di động, trong đó phải kể đến điện thoại thông minh (smartphone), đó là công cụ để các em tiếp cận với hệ thống mạng internet nhiều hơn. Các em sử dụng phương tiện thông tin hiện đại nhất này chủ yếu nhằm mục đích tìm

kiểm thông tin phục vụ cho quá trình học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, giao tiếp với bạn bè, đọc tin tức, xem phim, nghe nhạc, xem bóng đá. Ngoài ra, còn có số ít các em sử dụng internet để chơi game (mức độ sử dụng để chơi game ở nam giới chiếm tỷ lệ chơi game cao hơn so với nữ). Tỷ lệ các em sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng rất cao. Từ đây, những luồng thông tin mới, những xu hướng thời trang, ẩm thực hay lối sống mới của cả quốc tế và trong nước có tác động đến văn hóa của các em. Môi trường đô thị nơi các em sinh sống học tập luôn sẵn có các sản phẩm văn hóa mới nhất, hiện đại nhất. Ngoài ra, những xu hướng mới của giới trẻ ở khu vực đô thị, xung quanh ngôi trường, cũng tác động và làm cho văn hóa của các em càng thêm biến đổi.

2.4. Tác động từ yếu tố tâm lý lứa tuổi vị thành niên

Những biến đổi trong sử dụng ngôn ngữ, trang phục, ăn uống và giao tiếp ứng xử của HS các trường THPTDTNT còn có nguyên nhân là tâm sinh lý của lứa tuổi vị thành niên. Ở độ tuổi này, các em thích những cái mới, muốn khám phá, muốn chứng tỏ bản thân. Thêm vào đó, trong môi trường tập thể, lại xa gia đình các em thường có tâm lý bắt chước nhau. Hiện nay, số HS nam tự mua trang phục cho mình cũng không kém so với các HS nữ. Như vậy, xu hướng tự đi mua trang phục cho mình cả nam và nữ đều gia tăng. Tuy nhiên HS nữ chiếm tỷ lệ cao hơn. Điều này cũng đúng với thực tế là lứa tuổi của các em càng lớn thì nhu cầu sở thích cá nhân cho bản thân càng cao. Các em thường hài lòng với trang phục do mình lựa chọn hơn là với trang phục mà bố mẹ hay anh chị mua cho trước đây. Một học sinh cho hay: “Từ khi đi học nội trú em đã

tự lập, vì đi ra ngoài biết mặc như thế nào cho phù hợp và đẹp nên em tự đi mua cho mình và cảm thấy hài lòng hơn là mẹ em mua cho em”.

Cũng giống như xu hướng biến đổi chung của văn hóa các tộc người ở nước ta, văn hóa của HS dân tộc thiểu số ở các trường THPTDTNT biến đổi theo xu hướng “Kinh hóa”, hội nhập với các DTTS khác. Tuy nhiên, dù có sự mai một mạnh mẽ các yếu tố văn hóa vật chất và văn học nghệ thuật, trong sâu thẳm tâm hồn nhiều thế hệ đồng bào các DTTS và thế hệ HS (con cái họ) vẫn có ý thức giữ lại bản sắc tộc người mình, còn duy trì ý thức tộc người. Dù mức độ “Kinh hóa” của các em ở mức độ cao hơn người thân và cộng đồng làng bản quê hương, nhưng các em vẫn có ý thức về bản sắc dân tộc. Vì vậy, nếu các trường THPTDTNT tăng cường tổ chức các hình thức sinh hoạt văn hóa tộc người (VHTN) trong hoạt động của mình, thì hiểu biết và ý thức gìn giữ, bảo lưu bản sắc VHTN của các em sẽ được nâng cao.

3. Xu hướng biến đổi văn hóa của học sinh dân tộc thiểu số tại các trường THPT DTNT

Xu hướng biến đổi văn hóa của học sinh DTTS không nằm ngoài xu hướng biến đổi chung về văn hóa DTTS ở nước ta hiện nay. Sự mai một của ngôn ngữ tộc người, trang phục và ẩm thực truyền thống, sự thay đổi trong ứng xử, quan hệ xã hội là một xu thế phổ biến. Sự biến đổi này phụ thuộc vào mức độ giao lưu văn hóa giữa tộc người đa số với các TNTS, mức độ ĐTH và HĐH ở các vùng, khu vực. Trong các lĩnh vực ngôn ngữ, trang phục, ẩm thực và quan hệ ứng xử xã hội, xu hướng BĐVH ở học sinh tộc người thiểu số có một số nét như sau.

Về ngôn ngữ, trước khi vào trường THPTDTNT, hầu hết các em đã rất thành thạo tiếng phổ thông và còn nói tốt hơn cả tiếng dân tộc mình. Càng ở lứa tuổi trẻ hơn, tỷ lệ thành thạo tiếng phổ thông càng cao và khả năng nói thành thạo tiếng dân tộc mình càng thấp hơn. Mức độ sử dụng tiếng phổ thông ở cộng đồng của các em là rất cao. Ở các vùng ven đô thị, vùng nông thôn có địa hình thuận lợi, tiếp giáp với người Kinh, khả năng sử dụng tiếng phổ thông của học sinh cũng tốt hơn.

Về trang phục, không những ngôn ngữ dân tộc mà ngay cả trang phục dân tộc truyền thống cũng không còn được các em chú trọng nhiều. Đa số các em đều theo xu thế hội nhập và hòa đồng trong môi trường đô thị. Tất cả HS nam dân tộc thiểu số ở các trường THPTDTNT không còn sử dụng trang phục của dân tộc mình trong ngày thường và ít sử dụng trong ngày lễ tết của dân tộc. Với học sinh nữ, bộ trang phục truyền thống chỉ được sử dụng khi các em phải thực hiện theo quy định của nhà trường vào sáng thứ hai hàng tuần hoặc vào một số dịp lễ hội hiếm hoi của dân tộc mình.

Về ẩm thực, các món ăn truyền thống của dân tộc hầu như ít được các em sử dụng. Xu hướng thích những món ăn của người Kinh ở HS dân tộc thiểu số tại các trường THPTDTNT nhiều hơn món ăn dân tộc. Xu hướng này được thể hiện rõ nhất ở nữ giới cao hơn so với nam giới. Đặc biệt, đa số các em thích ăn vặt và uống nước có ga, sinh tố hơn. Sống trong một môi trường tập thể, các em có sự ảnh hưởng lẫn nhau trong cách chọn lựa đồ ăn thức uống và đồng thời muốn chứng tỏ sự hòa đồng của mình bằng cách tiếp nhận những hình thức ẩm thực mới.

Về quan hệ ứng xử xã hội, quá trình biến đổi văn hoá truyền thống đã có những tác động tích cực và tiêu cực trong đời sống các tộc người ở vùng núi nói chung, của HS dân tộc thiểu số nói riêng. Văn hóa của các HS dân tộc thiểu số thường xuyên được làm giàu qua quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa; điều đó tạo nên sợi dây cổ kết và gắn bó giữa các tộc người với nhau. Các em biết cách giao tiếp khéo léo, tế nhị hơn với bạn bè và giáo viên cũng như với những người xung quanh. Tuy nhiên, một số cốt cách đặc trưng trong ứng xử giao tiếp của tộc người của các em bị mai một đi. Tính chân thành, thẳng thắn, một đặc trưng văn hóa của các DTTS, bị mai một đi ở nhiều học sinh.

Nhìn chung văn hóa HS dân tộc thiểu số tại các trường THPTDTNT ở nước ta hiện nay đang biến đổi theo xu hướng “Kinh hóa” và hội nhập văn hóa hiện đại. Một số em có những biểu hiện thái quá trong sử dụng trang phục, ăn uống và ứng xử với mọi người xung quanh. Một số em thậm chí còn nghĩ rằng, việc giữ gìn VHTN là biểu hiện của sự “lạc hậu”, “bảo thủ”.

4. Kết luận

Biến đổi văn hóa HSDTTS là xu hướng tất yếu trong quá trình HĐH và TCH. Một số yếu tố văn hoá truyền thống không phù hợp và không có khả năng thích ứng với xã hội hiện đại sẽ dần dần mất đi; các yếu tố văn hoá mới tìm được môi trường thuận lợi để phát triển. Tuy nhiên, yếu tố truyền thống vẫn chưa mất đi hoàn toàn vì vẫn được lưu giữ trong đời sống tộc người, từ đó tạo nên sự không thuần nhất trong văn hoá của HSDTTS. Yếu tố văn hóa của người Kinh đã được chấp nhận một cách phổ biến, đặc biệt là quan niệm về hôn nhân

liên tộc người, trong đó cùng một thành phần dân tộc không còn là một yếu tố quan trọng cho việc lựa chọn bạn thân hay bạn đời tương lai. Trong bối cảnh đó, cần khuyến khích các em, những thế hệ tương lai của các tộc người, tinh táo nhận biết những giá trị truyền thống để gìn giữ và phát huy, đồng thời nhận ra những yếu tố tích cực của các giá trị mới cần bổ sung. Nói cách khác, các em cần được hiểu một cách đầy đủ những giá trị truyền thống và hiện đại trong bối cảnh hiện nay, từ đó có ý thức lựa chọn những yếu tố mới cần thiết cho hành trang vào đời lập nghiệp của các em trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Văn Bính (2002), *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Từ Chi (1984), *Góp phần nghiên cứu văn hóa tộc người*, Nxb Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
- [4] Khổng Diễm (2010), “Khả năng thích ứng của các dân tộc đa số và thiểu số trước tác động của các yếu tố nội sinh và ngoại sinh trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam”, *Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Phùng Thị Hằng (2006), “Cách xưng hô trong giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ của học sinh trung học phổ thông dân tộc Tày”, Tạp chí *Giáo dục*, số 137.
- [6] Phạm Quang Hoan (1986), “Mối quan hệ giữa truyền thống và đổi mới (cách tân) trong sự phát triển văn hóa các dân tộc”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.
- [7] Phan Huy Lê và Vũ Minh Giang (Chủ biên) (1996), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, t.2, Hà Nội.
- [8] Ngô Văn Lệ (2010), *Văn hóa tộc người truyền thống và biến đổi*, Nxb Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [9] Hoàng Lương (2002), “Sức sống của văn hóa vật chất Thái trước sự phát triển của khoa học công nghệ”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.
- [10] Lê Hồng Lý (Chủ biên) (2009), *Sự biến đổi văn hóa tộc người Thái ở Tây Bắc trong thời kỳ Đổi mới*, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Văn Mạnh (2010), “Xu hướng biến đổi văn hóa các tộc người thiểu số ở Thừa Thiên - Huế trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.
- [12] Hoàng Nam (2002), *Đặc trưng văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [13] Hoàng Nam (2011), *Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [14] Vương Xuân Tình (2010), “Biến đổi văn hóa của các tộc người vùng Đông Bắc từ góc nhìn sử dụng ngôn ngữ”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5.
- [15] Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, Văn hóa tộc người và Văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [16] Đặng Nghiêm Vạn (1993), *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia dân tộc*, Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [17] Đặng Nghiêm Vạn (2007), *Văn hóa Việt Nam đa tộc người*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

